

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 182/2022/QĐST-HNGĐ

Biên Hòa, ngày 28 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 158/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu:

1. **Bà Nguyễn Ngọc Ph**, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Khu phố 1, phường H, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. **Ông Nguyễn Văn D**, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: đường Kh, Tổ 36, Khu phố 6, phường H, thành phố Th, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, ông D và bà Ph cùng nộp đơn yêu cầu “công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung”. Quá trình vận động hòa giải, ông D và bà Ph thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 21/01/2022. Ông D cư trú tại phường H, thành phố Th, Thành phố H. Bà Ph cư trú phường H, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Ông D và bà Ph có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết và đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự. Căn cứ vào Điều 29, 35 và điểm h, Khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đơn yêu cầu của ông D, bà Ph được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Ngọc Ph chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 78/HT.HB quyền số 01/2001 ngày 29/11/2001. Ông D và bà Ph xác định có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh M, sinh ngày 26/9/2002. Ông D, bà Ph thống nhất do cháu Mai đã thành niên và có khả năng lao động nên ông D và bà Ph không có ý kiến về vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng. Ông D và bà Ph thống nhất không có tài sản và nợ chung.

Trong quá trình chung sống ông D, bà Ph thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Ông D, bà Ph xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung.

Xét thấy ông D, bà Ph thực sự tự nguyện ly hôn; do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của ông D, bà Ph.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Ngọc Ph.

- Về con chung: ông D và bà Ph có 01 con chung là Nguyễn Khánh M, sinh ngày 26/9/2002. Do cháu Mai đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, ông D và bà Ph không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên Tòa án không

xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông D, bà Ph khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông D và bà Ph mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng lệ phí ông D, bà Ph đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001089 ngày 12/01/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa; ông D, bà Ph đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường H, thành phố B, tỉnh Đ;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Huệ